

Địa vị người phụ nữ trong giáo lý Đức Phật
Thích Nữ Huệ Hương

Chương II

Người Phụ Nữ Trong Giáo Lý Đạo Phật

1. Phẩm hạnh người phụ nữ được đề cao:

Đề cao phẩm hạnh của người phụ nữ trong xã hội ngày nay là chuyện khá bình thường, nhưng nếu đem sự việc đó trở lui về quá khứ đến xã hội Ấn Độ cách đây trên hai ngàn năm trăm năm qua là điều nan thuyết. Thế mà đức Phật đã làm điều khó làm; đã nói điều khó nói này trong thời điểm ấy. Ngài đã giải phóng người phụ nữ khỏi những tư tưởng áp bức cố hữu, đã nâng cao quy chế cho hàng phụ nữ và dắt dẫn nữ giới thực hiện địa vị quan trọng của mình trong xã hội.

Như chúng ta đã biết, nữ giới trong xã hội Ấn Độ bấy giờ được xem là không xứng đáng để hưởng bất luận điều gì cao hơn hàng tôi tớ của chồng, của cha, hay của anh. Họ không bao giờ được sánh ngang hàng với nam giới trong xã hội. Điều này dẫn đến một tư tưởng thật cổ hủ: ‘Sinh con gái là một điều bất hạnh - còn hơn vậy nữa - là một đại họa’. Quan kiến hẹp hòi này không phải chỉ có ở người dân thường mà nó còn tồn tại trong cả hàng vua chúa.

Trái hẳn với trào lưu tư tưởng đó, Phật cho rằng nơi người nữ vốn tiềm ẩn nhiều đức tính tốt như thông minh, nhân nhục, ôn hòa, bao dung, độ lượng, ... Nên khi thấy vua Pasenadi nước Kosala muộn phiền vì nghe tin báo hoàng hậu Mallika vừa hạ sinh công chúa, Phật liền khuyên:

‘Này Nhân chủ, ở đời,
Có một số thiếu nữ,
Có thể tốt đẹp hơn,
So sánh với con trai,
Có trí tuệ, giới đức,
Khiến nhạc mẫu thần phục.
Rồi sinh được con trai,
Là anh hùng, quốc chủ,
Người con trai như vậy,
Của người vợ hiền đức,
Thật xứng đáng là Đạo sư,
Giáo giới cho toàn quốc’. (5)

Đức Phật đã chỉ cho quần chúng thấy rằng: người phụ nữ là mẹ của đàn ông. Không ai xứng đáng cho ta kính mộ tôn sùng bằng mẹ của mình. Vì:

‘Mẹ hiền còn sống gọi là mặt trời giữa trưa chói sáng
Mẹ hiền khuất bóng gọi là mặt trời đã lặn

Mẹ hiền còn sống gọi là mặt trăng sáng tỏ
Mẹ hiền khuất rồi gọi là đêm tối u ám'. (6)

Mẹ là mặt trời chói sáng, là mặt trăng dịu hiền. Với biện pháp so sánh độc đáo giữa người mẹ với hai hình ảnh độc nhất vô nhị phải chăng là cách tuyên dương đức hạnh cao quý của người phụ nữ?

Như chúng ta biết, trong những lãnh vực hoạt động khác nhau thì con người sẽ có những địa vị khác nhau. Như thế trong xã hội, người đàn ông nắm giữ những địa vị then chốt thì trong gia đình, giềng mối lại do người phụ nữ nắm giữ.

Bởi thế đức Phật thường dùng danh từ màtugama có nghĩa là 'hạnh làm mẹ', hay 'xã hội những bà mẹ' để tỏ ý kính trọng khi nói về những phụ nữ lớn tuổi và danh từ Pàramāsakhā (những người bạn tốt của chồng họ) để chỉ những phụ nữ đã kết hôn. Và chúng ta sẽ bắt gặp rất nhiều hình ảnh cao quý của người phụ nữ nói chung và người mẹ nói riêng trong giáo lý Phật giáo. Như ở Tăng chi bộ kinh, đức Phật khuyên con cái phải kính trọng cha mẹ trong nhà, vì theo Ngài 'cha mẹ ngang bằng với Phạm Thiên':

'Phạm Thiên, này các Tỷ kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Các Đạo sư thời xưa, này các Tỷ kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Đáng được cúng dường, này các Tỷ kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Vì có sao? Giúp đỡ rất nhiều, này các Tỷ kheo, là cha mẹ đối với con cái, nuôi chúng lớn, dưỡng dục chúng, giới thiệu chúng vào đời'. (7)

Và Ngài cũng dùng kệ để tán thán công đức mẹ cha:

'Mẹ cha gọi là Phạm Thiên,
Bậc đạo sư thời trước,
Xứng đáng được cúng dường,
Vì thương đến con cháu,
Do vậy, bậc hiền triết,
Đánh lễ và tôn trọng,
Dâng đồ ăn đồ uống,
Vái mặc và giường nằm,
Thoa bóp (cả thân mình)
Tắm rửa cả chân tay,
Với sở hành như vậy,
Đối với mẹ và cha,
Đời này người hiền khen,
Đời sau hưởng thiên lạc' (8)

Rõ ràng, tuy đề cập đến cha lẫn mẹ, nhưng ở đây chúng ta cũng ghi nhận được tình thân tôn trọng và kính nể hàng nữ lưu trong giáo lý Phật giáo. Là mẹ, người phụ nữ được hưởng danh dự xứng đáng trong Phật giáo. Bà mẹ được xem là cây thang thích nghi để con cái nương theo đó mà 'đời sau hưởng Thiên lạc' và 'tạo nên nhiều phước đức':

'Do chánh hạnh đối với hai (hạng người), bậc hiền trí ... tạo nên nhiều phước đức. Đối với hai hạng người nào? Với mẹ và với cha. Do chánh hạnh đối với hai (hạng người) này, bậc hiền trí ... tạo nên nhiều phước đức'. (9)

Với những lời thuyết giáo chơn chánh, đức Phật đã ghi sâu vào tâm não của dân chúng thời bấy giờ như câu phải kính nể và tôn trọng phái nữ. Ngài dạy người nam nên xem người nữ như chị, như em gái và hết lòng bảo vệ họ, nên đối xử hiền hòa, dịu dàng với vợ, xem vợ là ngang hàng với mình, và cho con gái những cơ hội thăng tiến giống như con trai.

Ngài chưa từng khinh rẻ và xem nữ giới là những ‘ngọn đuốc soi sáng con đường dẫn xuống địa ngục’ (Naraka mārgadvārasya dipikā) như Hemacondra, nhà văn hào Ấn. Thực ra, đức Phật tôn trọng, không xem rẻ phẩm giá người nữ không có nghĩa là Ngài không ghi nhận bản chất yếu đuối của họ.

Theo Ngài, tất cả tánh thiện, ác; tốt, xấu ... đều có cả trong hai giới, nam và nữ. Do vậy trong giáo huấn, Ngài đặt mỗi giới vào đúng vị trí của họ. Nam hay nữ không còn là trở ngại cho việc thanh lọc thân tâm hay phục vụ độ tha. Đây cũng chính là tinh thần bình đẳng giành cho nữ giới được thể hiện trong giáo lý Phật giáo.

2. Quyền bình đẳng trên ba phương diện:

Giáo lý Phật giáo đề cao phẩm hạnh người phụ nữ, nhưng trong Phật giáo không chỉ tôn trọng nữ giới trên lý thuyết suông mà ngay sau sự ưu đãi này là một vấn đề rất thiết thực: quyền bình đẳng. Ở đây, tuy nói về quyền bình đẳng giành cho nữ giới trên ba phương diện: xã hội, giáo đoàn, và vấn đề tu tập giải thoát nhưng kỳ thật đã bao hàm mọi mặt: vật chất, tinh thần; tánh, tướng; thể gian và xuất thể gian, ...

a) Bình đẳng về mặt hiện tượng xã hội:

Đề cập đến quyền bình đẳng của người phụ nữ trên mặt hiện tượng xã hội tức là bàn đến quyền lợi và nghĩa vụ mà nữ giới có được như nam giới. Rõ ràng ở chế độ xã hội bấy giờ, nói đến quyền lợi của người phụ nữ trong cuộc sống thật là điều rất khó. Vì rằng, trong tâm tư con người thời ấy, xã hội ấy, người nữ mãi mãi ở vào một địa vị xã hội thấp hèn và không bao giờ được hưởng chút quyền lợi gì của xã hội nói chung và của nam giới nói riêng. Nhưng đức Phật đã phủ nhận quan niệm cổ hủ này, gây nên một biến động lớn lao trong mọi giới, đặc biệt là hàng nữ lưu.

Với tâm từ mẫn, vị tha, đức Phật đã thuyết những lời pháp đúng đắn, thiết thực cho cuộc sống tạo điều kiện cho hàng nữ lưu có dịp nâng cao đầu đề hưởng tất cả quyền lợi của mình. Nhưng chúng ta cũng biết, đức Phật thuyết pháp độ sanh chỉ vì ‘lợi ích của phần đông’, chỉ vì sự an lạc hạnh phúc, sự giải thoát tâm linh của nhân sinh, nên khi đọc giáo lý Phật giáo chúng ta khó mà tìm được câu kinh nào đề cập trực tiếp tới phong trào nam nữ bình quyền.

Tuy nhiên, chúng ta thường xuyên bắt gặp những câu kinh gián tiếp nói đến quyền bình đẳng dành cho nữ giới đại loại như kinh Thiện Sanh. Trong kinh này, có đoạn đức Phật đã dạy cách người chồng phải đối xử với người vợ như sau:

‘Người chồng nên lấy năm điều mà yêu thương cấp dưỡng vợ. Năm điều đó là gì? Một là yêu thương vợ. Hai là không khinh rẻ. Ba là sắm các thứ chuỗi ngọc, đồ trang điểm. Bốn là ở trong nhà để vợ được tự do. Năm là xem vợ như chính mình. Người chồng lấy năm điều để thương yêu, cấp dưỡng vợ’. (10)

Và cũng trong bài kinh ấy đức Phật khuyên người phụ nữ phải bày tỏ lòng thương kính chồng bằng các cách như làm tròn phận sự của mình; ân cần đón tiếp thân bằng quyến thuộc bên chồng; trung thành với chồng; cẩn thận giữ gìn tiền bạc của cải mà chồng đem về; luôn siêng năng, không bao giờ tháo trút công việc ...

Bằng cách nói đến bốn phận người chồng đối với vợ và vợ đối với chồng như vậy, đức Phật đã âm thầm gieo vào lòng quần chúng tư tưởng thương yêu, tôn trọng và đề cao nữ giới. Vô hình chung, vấn đề bình đẳng nam nữ trên phương diện quyền lợi đã dần dần được thiết lập trong xã hội. Nhưng, quyền lợi bao giờ cũng đi đôi với nghĩa vụ. Vậy, liệu người phụ nữ có khả năng thực thụ để xứng đáng hưởng quyền lợi trên không?

Nếu trả lời ‘không’ đồng thời cũng có nghĩa là người phụ nữ đã quyết định vị thế đứng của mình trong xã hội và việc giành quyền bình đẳng nam nữ sẽ trở nên hư cấu.

Trên thực tế, người nữ vốn có khả năng không thua kém gì nam giới, những gì người nam làm được thì người nữ cũng làm được. Đó cũng chính là trường hợp nữ gia chủ, mẹ của Nakula nói với cha của Nakula:

‘... Thưa gia chủ, gia chủ có thể suy nghĩ: ‘Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, không có thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa’. Thưa gia chủ, chớ có nghĩ như vậy! Thưa gia chủ, tôi khéo léo dệt vải và chải lông cừu. Thưa gia chủ, sau khi gia chủ mệnh chung, tôi có thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa. Do vậy, thưa gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, này gia chủ, là người khi mệnh chung với tâm còn mong cầu luyến ái. Thế Tôn quả trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu luyến ái.

Thưa gia chủ, gia chủ có thể suy nghĩ như sau: ‘Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ đi đến một gia đình khác’. Này gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thưa gia chủ, gia chủ cũng đã biết, trong mười sáu năm chúng ta sống làm người gia chủ, tôi đã sống thực hành phạm hạnh như thế nào...

Thưa gia chủ, gia chủ có thể suy nghĩ như sau: ‘Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ không còn muốn đến yết kiến Thế Tôn, sẽ không còn muốn yết kiến chúng Tăng’. Thưa gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Sau khi ta mệnh chung, tôi sẽ muốn yết kiến Thế Tôn nhiều hơn, sẽ muốn yết kiến chúng Tăng nhiều hơn...’ (11).

Như vậy, trên phương diện xã hội, quyền bình đẳng nam nữ đã được thể hiện khá đặc biệt trong giáo lý Phật giáo. Nhưng còn về mặt người nữ xuất gia trong giáo đoàn Phật giáo thì sao? Đó là điều ta cần tìm hiểu ở mục kế.

b) Bình đẳng về mặt giáo đoàn:

Khi nói đến quyền bình đẳng về mặt giáo đoàn, điều đầu tiên khiến ta chú ý là vấn đề Phật cho phép nữ giới xuất gia sống đời sống phạm hạnh trong Tăng đoàn Phật giáo. Và như chúng ta biết, Tăng đoàn Phật giáo vốn dĩ có nghĩa là một tập đoàn người sống hòa hợp, bình đẳng, thanh tịnh để cùng nhau tu tập giải thoát. Như vậy, trong ý nghĩa này, hàng nữ giới xuất gia tất nhiên có quyền bình đẳng với nam giới xuất gia.

Ở đây, chúng ta cũng nên ghi nhận thêm rằng đức Phật đã cho phép thành lập giáo hội Tỷ kheo ni vào một thời điểm và địa điểm mà người nữ bị xếp vào địa vị thấp kém nhất trong xã hội. Làm điều này, đức Phật là người đầu tiên trong lịch sử nhân loại đã nâng cao vị trí của hàng phụ nữ đến mức quan trọng nhất.

Đây là việc làm duy nhất và chưa từng thấy trong rất nhiều hệ thống tôn giáo và trường phái tư tưởng được biết, trước và trong thời Phật tại thế. Đây là một sự canh tân phi thường vì nó đã tạo điều kiện cho hàng phụ nữ đặc quyền tiếp thụ giáo lý đạo Phật và từ đó nỗ lực tu tập phát huy bản chất cao quý, khả năng thẩm nhuần trí tuệ thâm sâu ngang hàng với nam giới của họ.

Nói như thế vẫn chưa lột tả được tính bình đẳng thực thụ trong Tăng đoàn Phật giáo, mà chúng ta cần đào sâu hơn, nghiên cứu giáo lý Phật giáo nhiều hơn để tìm cho ra nét cơ bản về những đặc quyền của ni giới.

Như trong kinh Bộ Tăng Chi có đoạn nói về tính chất bình đẳng của Tăng chúng không hề thiên vị một ai, dù sang hèn, giàu nghèo, đẹp xấu; dù sanh trong giai cấp nào, hoặc

dù nam hay nữ, ... sau khi xuất gia sống đời Phạm hạnh cũng đều là Sa môn đệ tử Phật bình đẳng không phân biệt như trăm sông đổ về biển:

‘Ví như, này Paharada, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Sarabhù, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ trước, trở thành biển lớn. Cũng vậy, này Pahàrada, có bốn giai cấp này: Sát đế lyBà la môn, Phệ xá, Thủ đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong pháp và luật được Như Lai tuyên bố này, chúng từ bỏ tên và họ của chúng từ trước, và chúng trở thành những Sa môn Thích tử’. (12)

Đoạn kinh trên tuy không có từ nào đề cập đến nữ giới nhưng khi đọc kinh ta vẫn hiểu được ý gồm thâu cả hai giới nam nữ. Vì rằng trên thực tế trong nếp sống tu tập của tăng đoàn đã biểu thị điều này rất rõ nét. Trong giáo hội Phật giáo xưa cũng như nay đều có sự hiện diện của hai bộ Tăng (đoàn thể Tỳ kheo tăng và đoàn thể Tỳ kheo ni) một cách song hành.

Nói về giáo phẩm, nếu bên nam giới có Hòa Thượng, Đại đức thì phía nữ có Hòa Thượng Ni, Đại đức ni (13) - tất nhiên chữ ‘ni’ chỉ dùng thêm cho mọi người biết đó thuộc nữ giới chứ hoàn toàn không có sự sai khác gì.

Còn nói về nhiệm vụ, nếu bên nam giới có hai vị đại đệ tử: Sàriputta (Xá Lợi Phất) - trí tuệ đệ nhất, và Moggallàna (Mục Kiền Liên) - thần thông đệ nhất - quán xuyên giáo hội Tỳ kheo tăng, thì bên nữ giới cũng có hai vị đại đệ tử: Khema và Uppalavannà đều là những vị trí tuệ vô song, thần thông vượt bậc ... Và nếu như nói về sở trường của chư vị đại đệ tử Phật, thì các vị nữ đệ tử Tỳ kheo ni không chút thua kém gì:

- ‘1) Trong các vị nữ đệ tử Tỳ kheo ni đã lâu ngày của Ta, tối thắng là Mahà Pajàpati Gotami.
 - 2) Trong các vị ... đại trí tuệ, tối thắng là Khema.
 - 3) Trong các vị ... đầy đủ thần thông, tối thắng là Uppalavannà.
 - 4) Trong các vị ... tri luật, tối thắng là Patàcara.
 - 3) Trong các vị ... thuyết pháp, tối thắng là Dhammadinnà.
 - 3) Trong các vị ... tu thiền, tối thắng là Nanadà.
 - 3) Trong các vị ... tinh cần tinh tấn, tối thắng là Sonà.
 - 3) Trong các vị ... có thiên nhãn, tối thắng là Sakulà.
 - 3) Trong các vị ... có thắng trí mau lẹ, tối thắng là Bhaddà Kundalakesà ...’
- (14)

Chúng ta cũng nên biết thêm, trong khi chế độ xã hội bấy giờ không tạo điều kiện để phát huy khả năng của người phụ nữ thì ngược lại ở trong giáo đoàn Phật giáo phụ nữ chẳng những có thể tự độ mình giải thoát mà còn có thể thuyết pháp độ sanh, đó là trường hợp của Tỳ kheo ni Pháp Lạc trong kinh Trung A Hàm IV (trang 605). Như vậy, về mặt giáo đoàn, quyền bình đẳng giành cho nữ giới cũng được thực thi trong giáo hội Phật giáo. Và hơn thế nữa, về mặt giải thoát tâm linh người phụ nữ cũng được Phật giáo tiếp nhận.

c) Bình đẳng về mặt chứng đắc:

Tôn chỉ của giáo lý Phật giáo là hướng dẫn người tu tập đạt đến mục đích tối hậu - giác ngộ giải thoát. Mọi chúng sanh nếu phát tâm tu tập, hành trì chánh pháp đều được đạt đến kết quả cứu cánh như nhau.

Vì chân lý tuyệt đối, thành quả giải thoát không dành riêng cho ai, kể cả đức Như Lai. Như khi Cundi, con gái vua sau khi ghe anh mình nói: ‘Nếu có người đàn bà hay đàn ông quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không

cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ say đắm rượu men, rượu nấu, người ấy sau khi thân hoại mạng chung, người ấy nhất định được sanh lên cõi lành, không vào cõi dữ', đã đến bạch hỏi Phật phương pháp tu tập thì được Phật giảng giải như sau:

'Dầu cho các loại hữu tình nào, này Cundi, không có chân hay hai chân, bốn chân hay nhiều chân, có sắc hay không sắc, có tướng hay không tướng, hay phi tướng phi phi tướng, Thế Tôn, bậc A la hán, Chánh đẳng giác được xem là tối thượng! Những ai đặt lòng tin vào đức Phật, chúng đặt lòng tin vào tối thượng. Với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, chúng được quả dị thực tối thượng'. (15)

Như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa về vấn đề bình đẳng trên phương diện giác ngộ giải thoát của người phụ nữ. Trong Phật giáo, người nữ không những được bình đẳng trên phương diện xã hội, giáo đoàn mà còn được quyền bình đẳng trong các phương diện giải thoát tâm linh. Đó là trường hợp của hoàng hậu Khemà đã đắc quả A la hán trước khi xuất gia, là trường hợp của Isidasi, một người phụ nữ đau khổ có bốn đời chồng, sau khi xuất gia sống đời giải thoát đã diễn tả trong một bài thơ nổi niềm sung sướng vì đã thoát khỏi một cách vinh quang ba điều khó chịu là 'cối, chày và người chống bắt chính' và cuối cùng vị này hân hoan tán thán pháp lạc tuyệt vời của người đắc quả Vô sanh:

'Tôi đã giải thoát khỏi sống và chết,
Tôi đã cắt đứt sợi dây luân hồi'. (16)

Người phụ nữ có khả năng chứng đắc quả vị giải thoát điều này không còn nghi ngờ gì nữa. Bao lâu nay theo quan niệm cổ truyền, mọi người trong xã hội Ấn đều nghĩ rằng phương diện tinh thần và đạo đức người phụ nữ thấp kém hơn người nam, thì nay Phật giáo cho mọi người thấy nữ tính không phải là trở ngại cho việc tiến bộ.

Chính đức Phật đã xác định điều này khi ngài A Nan hỏi Phật: 'Không biết nữ nhân sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình ... có thể chứng được quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai hay quả A la hán không?':

'Này Ananda, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A la hán quả'. (17)

Cũng vì lẽ đó, nên khi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta hỏi đức Thế Tôn ngoài các Tỳ kheo, đức Phật có một vị Tỳ kheo ni đệ tử nào đã đoạn trừ các lậu hoặc, chứng đạt thắng trí ngay trong hiện tại không, đức Phật trả lời:

'Này Vaccha không phải chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Tỳ kheo ni, đệ tử của ta, đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu tâm giải thoát và tuệ giải thoát'. (18)

Và không thua gì những nam cư sĩ, hàng nữ cư sĩ tại gia cũng có khả năng vượt bậc, chứng đắc vô sở úy:

'Này Vaccha không phải chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Nữ cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ vật dục, nhưng xây dựng Thánh giáo, chấp nhận giáo huấn, đã độ nghi đoạn hoặc, chứng đắc vô sở úy, không dựa vào người khác, sống trong Thánh giáo của bậc Đạo sư'. (19)

Rõ ràng chỉ điếm qua một vài câu kinh, chúng ta đã có thể thấy cụ thể địa vị người phụ nữ trong giáo lý đạo Phật. Giáo lý nhà Phật cho mọi người thấy rằng: người phụ nữ xứng đáng có một chỗ đứng danh dự ngang hàng với nam giới về phương diện khả năng và thành đạt mục tiêu Niết bàn, và trên nấc thang thành tựu của nhân loại, người nữ cũng có khả năng trèo đến mức tột đỉnh mà người nam có thể đến.

-ooOoo-

[Mục lục](#) | [Dẫn nhập](#) | [1](#) | [2](#) | [3](#) | [4](#) | [Kết luận](#)

Source: *Buddhism Today* (<https://www.buddhismtoday.com>) & *Quang-Duc* (<https://www.quangduc.com>)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 29-04-2001